Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9209.99.00

Mã HS	9209.99.00
Mô tả hàng hóa	Các bộ phận (ví dụ, bộ phận cơ cho hộp nhạc) và các phụ kiện (ví dụ, thẻ (card), đĩa và trục quay dùng cho nhạc cụ cơ học) của nhạc cụ; máy nhịp, thanh mẫu, tiêu và sáo các loại / - Loại khác: / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 22:17:58
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/92099900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	4.5	4,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18402
Thuế NK ưu đãi (MFN)	3	3%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18402
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18402
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	1.7	1,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17732
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17661
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17661
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17661
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17661
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17661
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17661
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17717
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17717

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17717
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17717
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17717
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17717
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17718
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17718
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17718
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17718
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17718
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17718
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17723
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17679
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17675
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17675
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17675
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17675
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17675
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17675
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17721
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17721
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17721
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17721
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17721
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17721
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17783
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17783

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17783
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17783
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17783
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17783
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17761
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17761
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17761
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17761
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17761
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17761
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17754
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17754
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17754
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17754
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17754
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17754
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17784
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17784
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17784
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17784
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17784
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17784
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17783
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17783
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17783
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17783

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17783
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17783
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17877
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17877
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17877
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17877
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17877
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17877
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17877
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17746
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17746
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17746
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17746
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17746
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17746
RCEP B	2022	2022	0	B!D17746
RCEP B	2023	2023	0	B!E17746
RCEP B	2024	2024	0	B!F17746
RCEP B	2025	2025	0	B!G17746
RCEP B	2026	2026	0	B!H17746
RCEP B	2027	2027	0	B!I17746
RCEP C	2022	2022	0	C!D17744
RCEP C	2023	2023	0	C!E17744
RCEP C	2024	2024	0	C!F17744
RCEP C	2025	2025	0	C!G17744
RCEP C	2026	2026	0	C!H17744

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17744
RCEP D	2022	2022	0	D!D17743
RCEP D	2023	2023	0	D!E17743
RCEP D	2024	2024	0	D!F17743
RCEP D	2025	2025	0	D!G17743
RCEP D	2026	2026	0	D!H17743
RCEP D	2027	2027	0	D!I17743
RCEP E	2022	2022	0	E!D17747
RCEP E	2023	2023	0	E!E17747
RCEP E	2024	2024	0	E!F17747
RCEP E	2025	2025	0	E!G17747
RCEP E	2026	2026	0	E!H17747
RCEP E	2027	2027	0	E!I17747
RCEP F	2022	2022	0	F!D17746
RCEP F	2023	2023	0	F!E17746
RCEP F	2024	2024	0	F!F17746
RCEP F	2025	2025	0	F!G17746
RCEP F	2026	2026	0	F!H17746
RCEP F	2027	2027	0	F!I17746
VIFTA	2024	2024	2.6	VI!F16629
VIFTA	2025	2025	2.1	VI!G16629
VIFTA	2026	2026	1.7	VI!H16629
VIFTA	2027	2027	1.3	VI!I16629

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9209.99.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 3% của mã 9209.99.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18402), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.